



chái yóu

柴油

Noun · diesel oil

Example Sentences

zhè liàng chē yòng chái yóu

这辆车用柴油。

This car uses diesel.

nǐ zhī dào zhè sōu huò lún shì shāo chái yóu hái shì zhòng yóu ma

你知道这艘货轮是烧柴油还是重油吗？

Do you know if this cargo ship runs on diesel oil or heavy fuel oil?

chái yóu bǐ qì yóu pián yi yī xiē

柴油比汽油便宜一些。

Diesel is a bit cheaper than gasoline.

Trace each character, then write the word on your own.

柴	柴	柴	柴	柴	柴	柴	柴	柴	柴	柴
柴	柴									

油	油	油	油	油	油	油	油	油	油	油

